TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 547/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Bà Phạm Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: đường V, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 25/7/2022)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh năm: 1987

Địa chỉ nơi cư trú: đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30/3/2022, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K trình bày: ông và bà Nguyễn Hoàng Bảo T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 25/8/2010 tại UBND Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân cũng bình thường. Đến sau khoảng năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bà T bắt đầu nghiện cờ bạc gây nợ nần, ông K cũng đã cố gắng khuyên nhủ, nhưng không có kết quả, đến năm 2016 thì số nợ của bà T ngày càng lớn, chủ nợ nhiều lần hăm dọa ông, sự việc này gây rất nhiều phiền phức cho gia đình. Đến cuối năm 2019 thì bà T lại gây nợ, lần này không còn khả năng trả nợ nữa nên bà T phải bán nhà hồi môn để trả nợ. Từ khoảng tháng 7/2021, ông bà đã không còn sống chung với nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Ông K xác định vợ chồng ông đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh K yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bảo T.

- Về con chung: ông K trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 24/4/2012, vì hiện nay trẻ đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên ông K đồng ý tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông K khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Nguyễn Hoàng Bảo T đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng bà T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T. Tại phiên tòa ngày 18/8/2022 và ngày 08/9/2022, bà T vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Hoàng Bảo T, xác minh tình trạng hôn nhân của ông K và bà T tại địa phương nơi bà T sinh sống, ghi nhận nguyện vọng của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, cho ông K được ly hôn với bà T; Về con chung: giao con chung là trẻ Nguyễn Minh T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 25/8/2010 tại UBND Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Hoàng Bảo T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông K có đơn

xin ly hôn với bà T cư ngụ tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của ông K thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống, bà T nghiện cờ bạc gây nợ nhiều lần, dẫn đến gia đình mâu thuẫn, không hòa giải được nên từ khoảng tháng 7/2021, ông bà đã không còn sống chung với nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà T đến Tòa để ghi nhận ý kiến của bà T và tham gia tố tụng nhưng bà T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa nên Tòa không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…" nhưng theo lời trình bày của ông K thì giữa ông K và bà T đã không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, ông K xác định không còn tình cảm với bà T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thực tế ông bà cũng đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả bà T và ông K đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của bà T đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông K và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho ông K được ly hôn với bà T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, ông K và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 24/4/2012, (theo giấy khai sinh số 171, đăng ký ngày 16/5/2012 tại UBND Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện nay trẻ đang sống chung với bà T nên ông K đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà T không đến tòa làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, tại biên bản lấy lời khai đối với bà Nguyễn Thị T (là mẹ ruột của bà T) ngày 19/7/2022, bà T2 cho biết hiện nay bà T và trẻ T đang sống chung với bà, nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao trẻ T cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Minh K nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh K được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bảo T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 25/8/2010 tại UBND Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông K và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 24/4/2012, giao con chung cho bà Nguyễn Hoàng Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Ông Nguyễn Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Nguyễn Hoàng Bảo T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông K đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông K khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Minh K nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012030 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường C, Quận A, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga